



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Cảng Sài Gòn

Ngày 30/06/2025	27,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-1.4%	-5.9%	-2.5%

DT thuần Q2/25
275
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 12.0 4.6%
YoY: ▼33.0 -10.7%

LN thuần Q2/25
118
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00 -2.3%
YoY: ▲ 12.0 11.5%

LN sau thuế Q2/25
107
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.00 -3.0%
YoY: ▲ 35.5 49.2%

Tỷ suất lãi EBIT Q2/25
49.5%
YoY: +/-▲ 3.2%

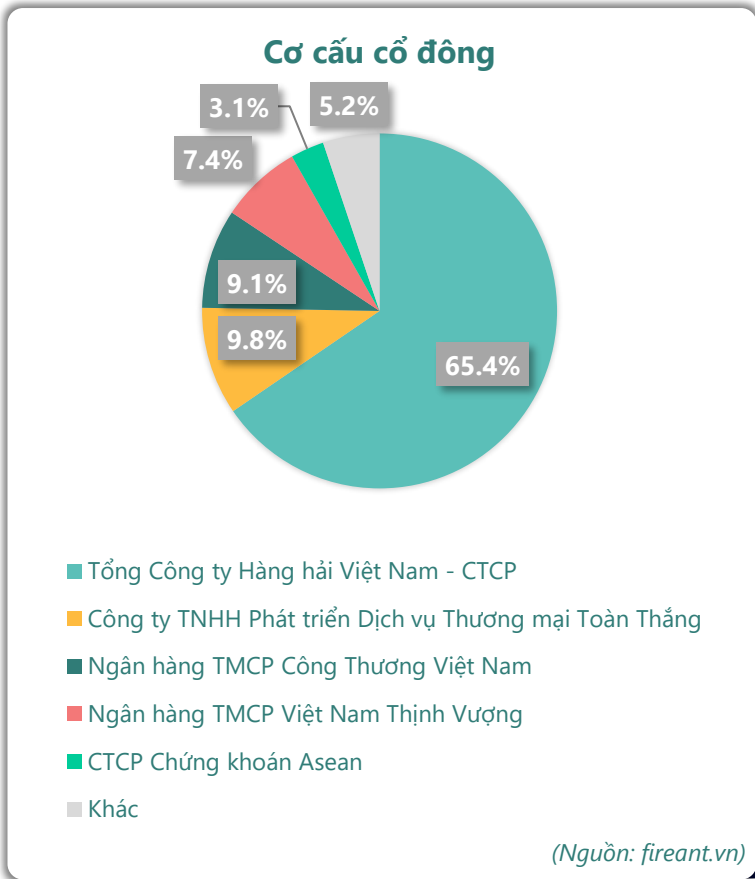
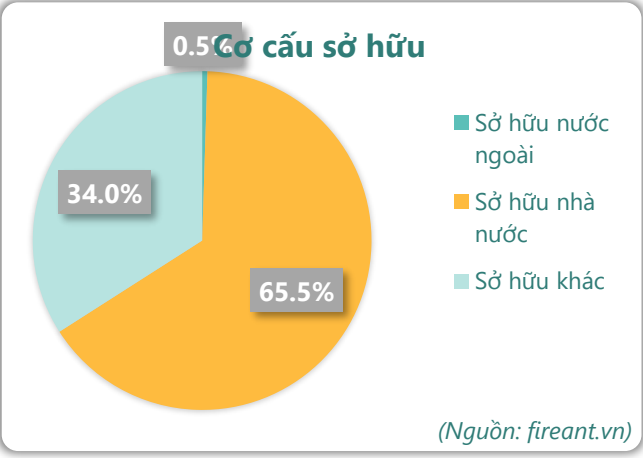
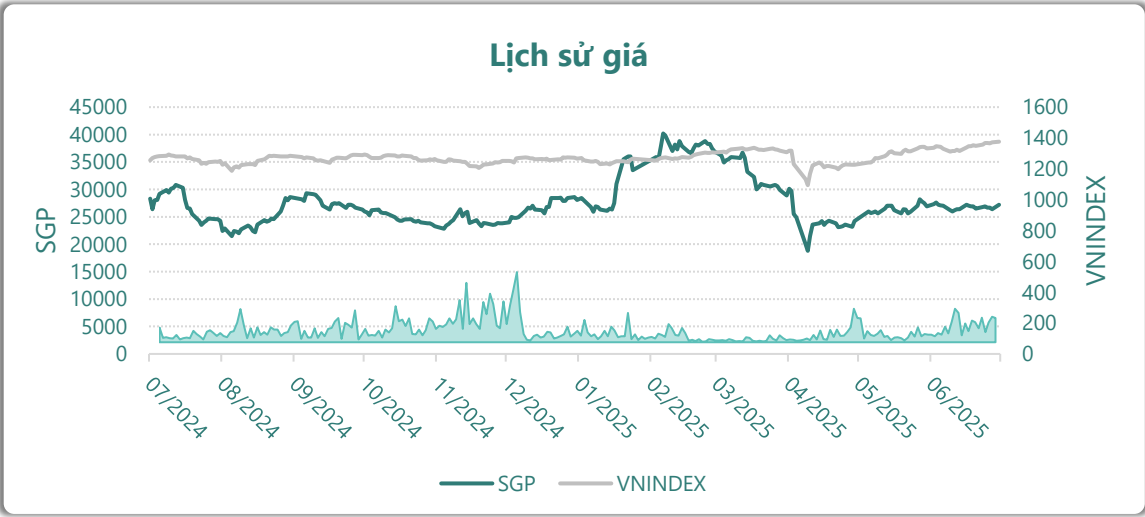
ROE (TTM) Q2/25
9.3%
YoY: +/-▲ 0.9%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,800 - 40,200
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,883
Số lượng CPLH (CP)	216,294,961
KLGD BQ 20 phiên (CP)	114,710
Sở hữu nước ngoài	0.5%
Beta	1.80
EPS	1,269
P/E	21.4

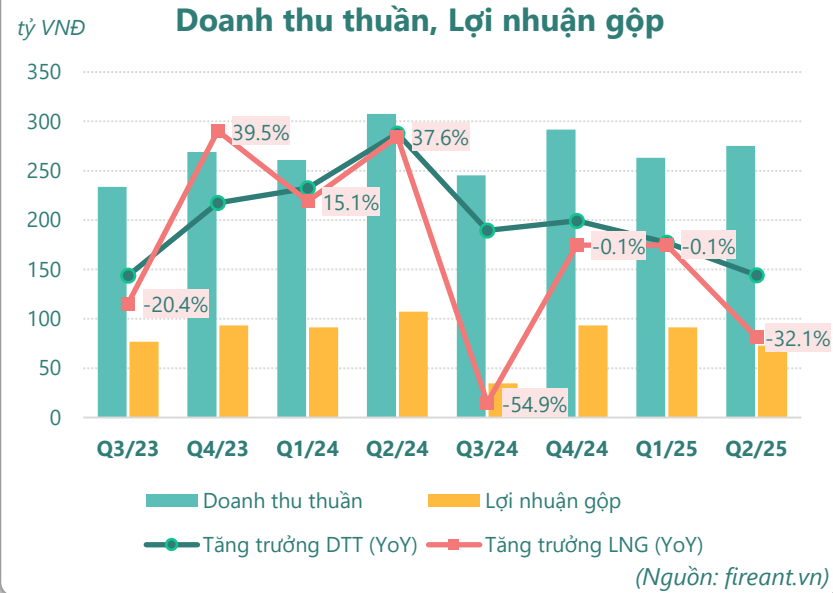
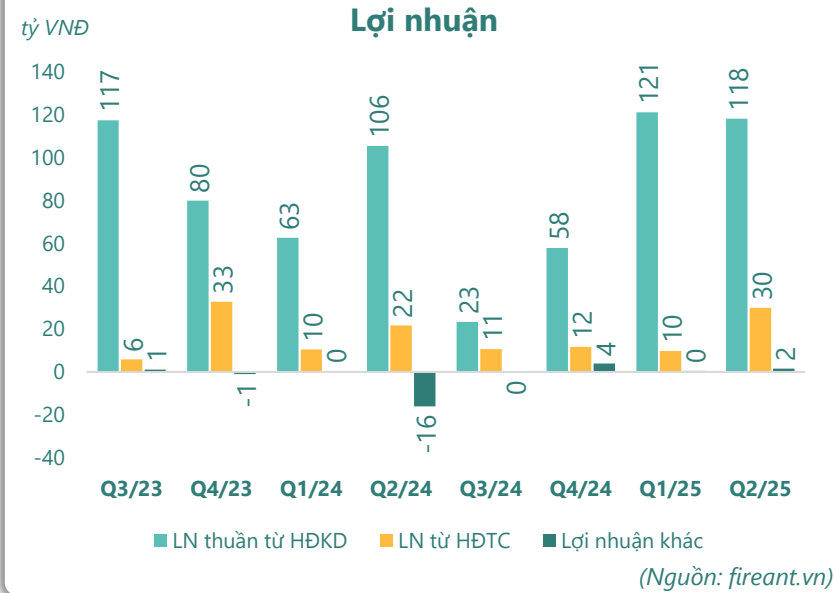
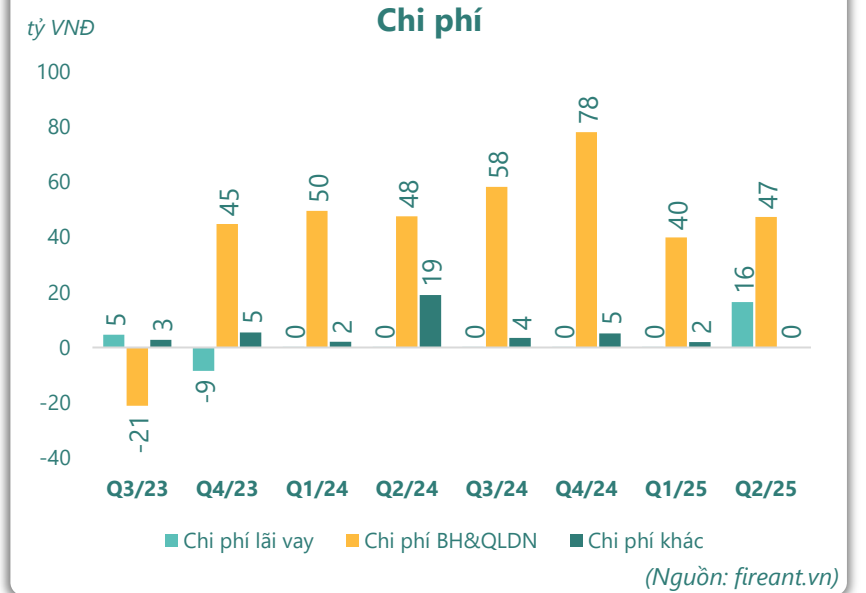
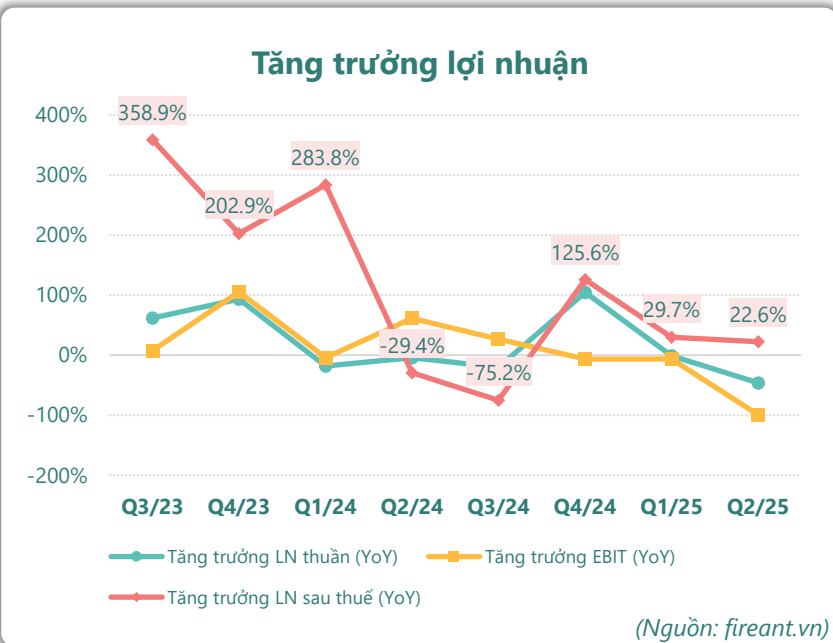
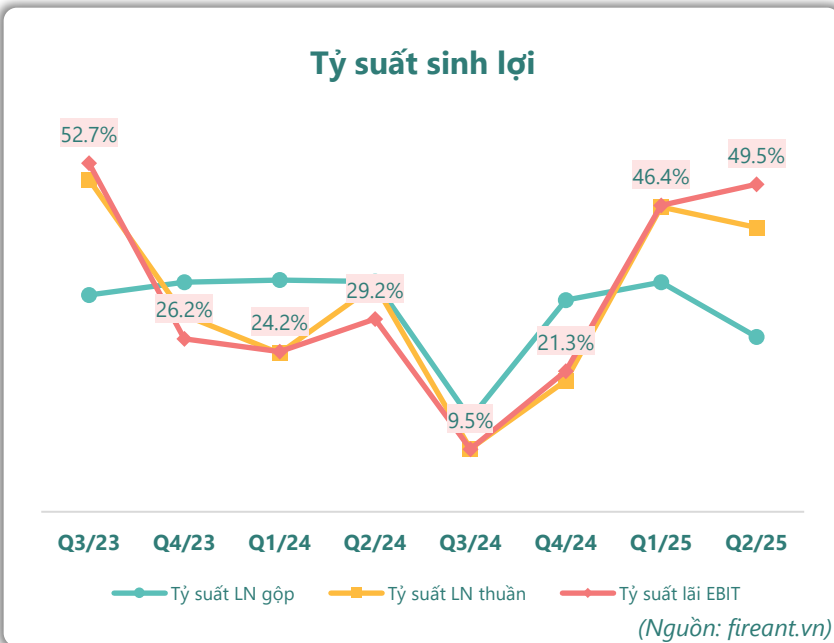
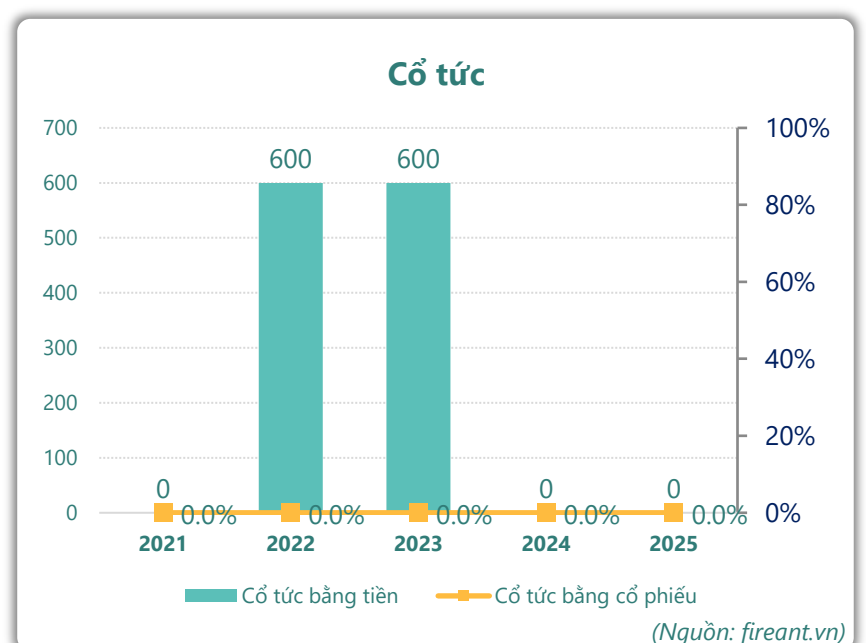
DT thuần 6T 2025
538
tỷ VNĐ
YoY: ▼31.0 -5.4%

LN thuần 6T 2025
239
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 71.0 42.4%

LN sau thuế 6T 2025
216
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 95.0 78.6%



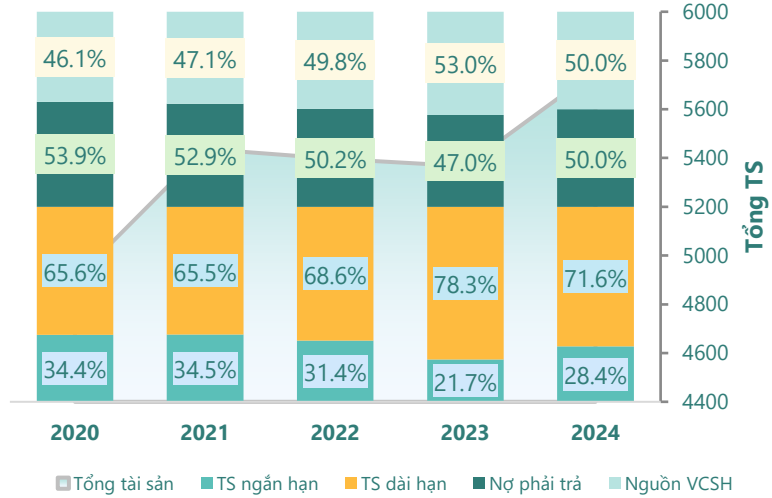
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

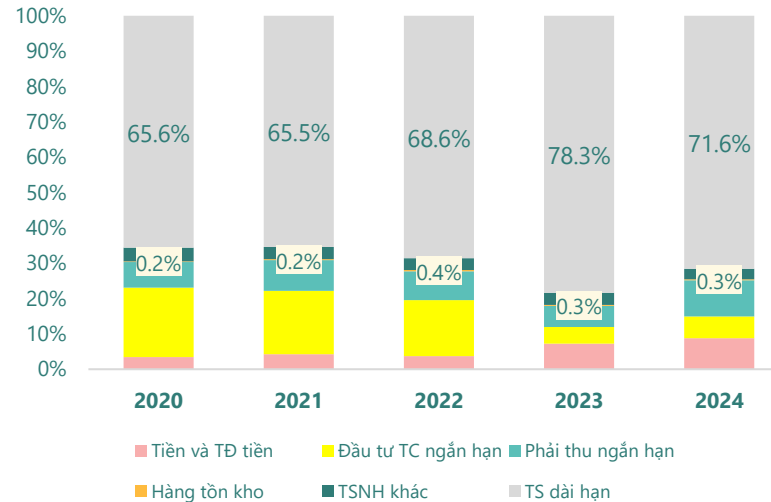
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

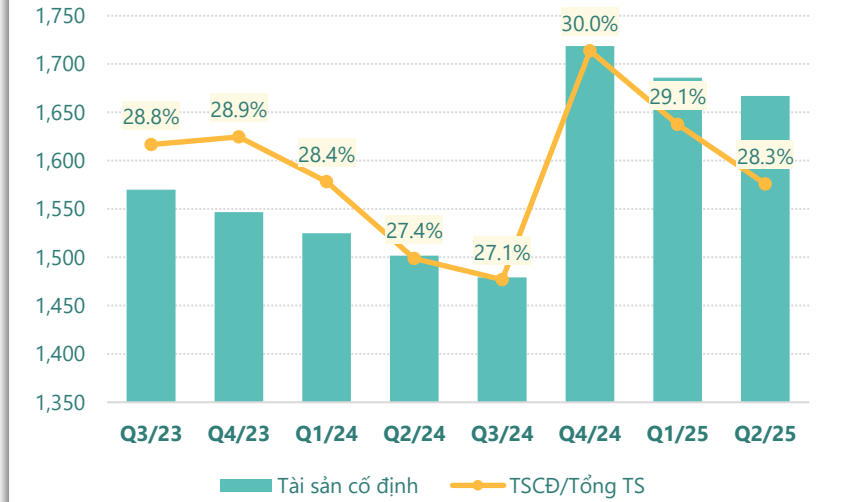
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

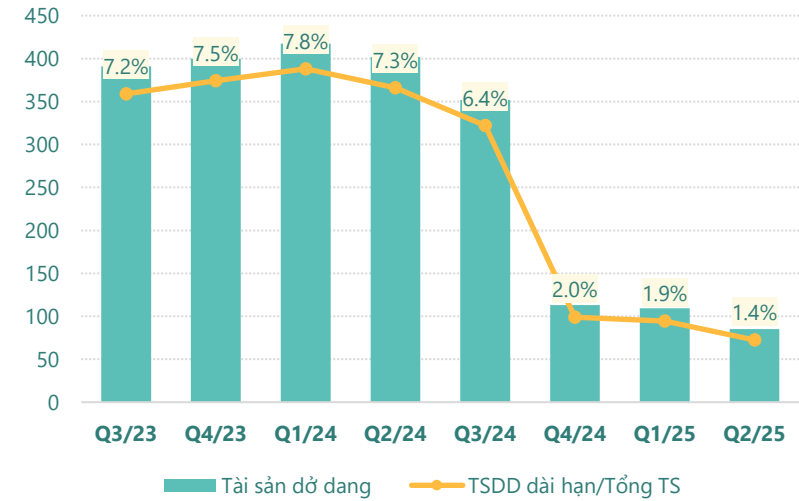
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

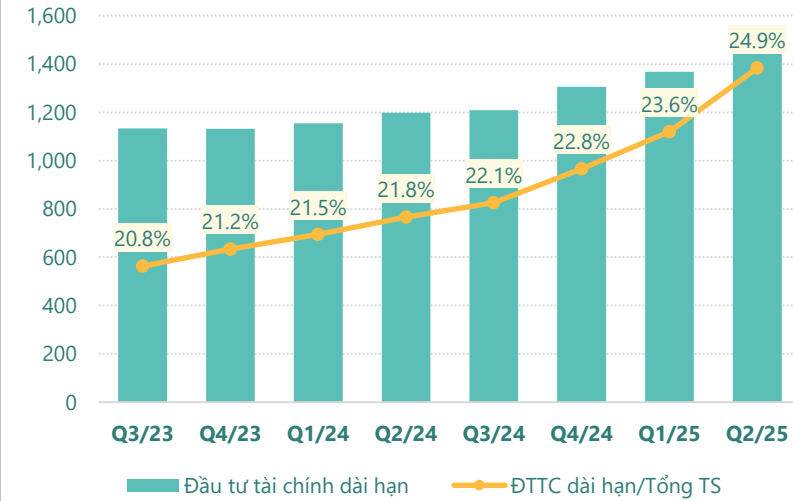
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

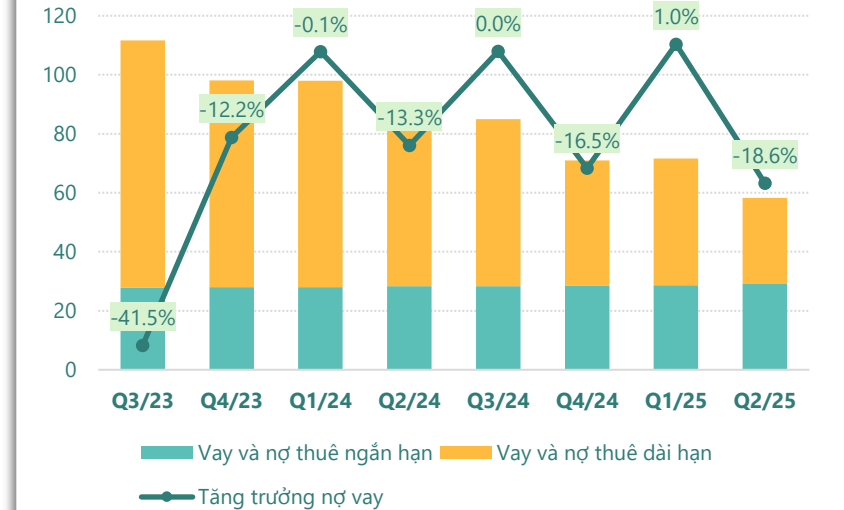
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

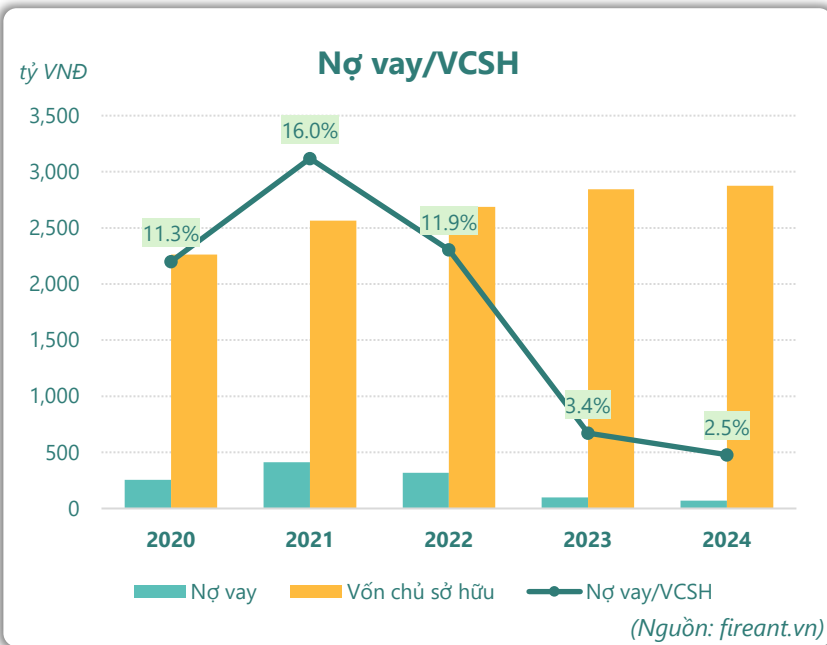
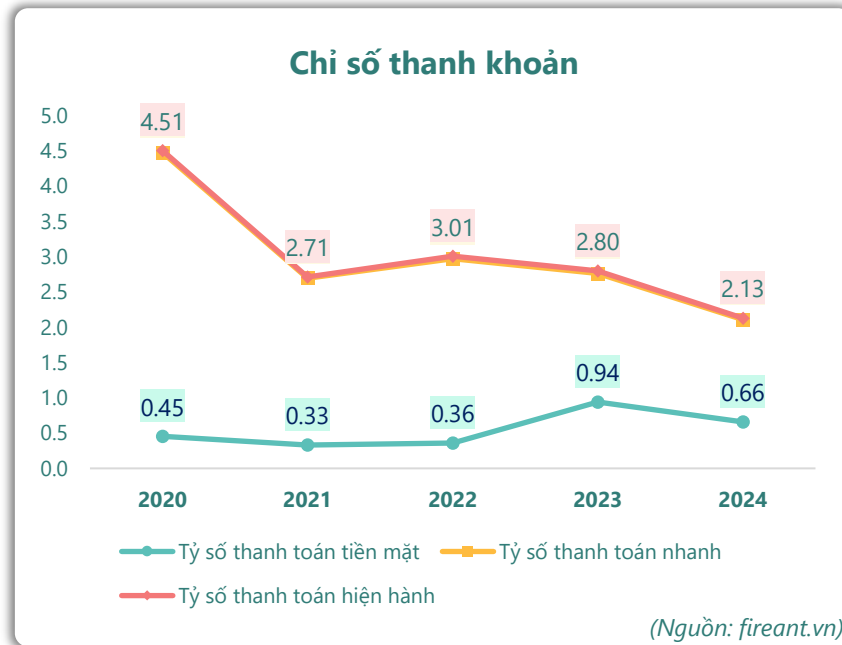
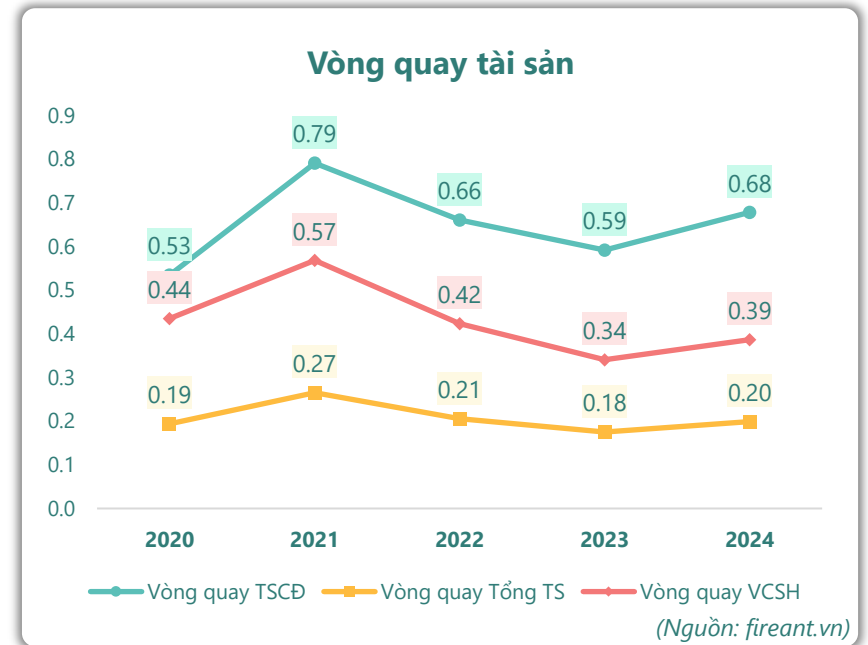
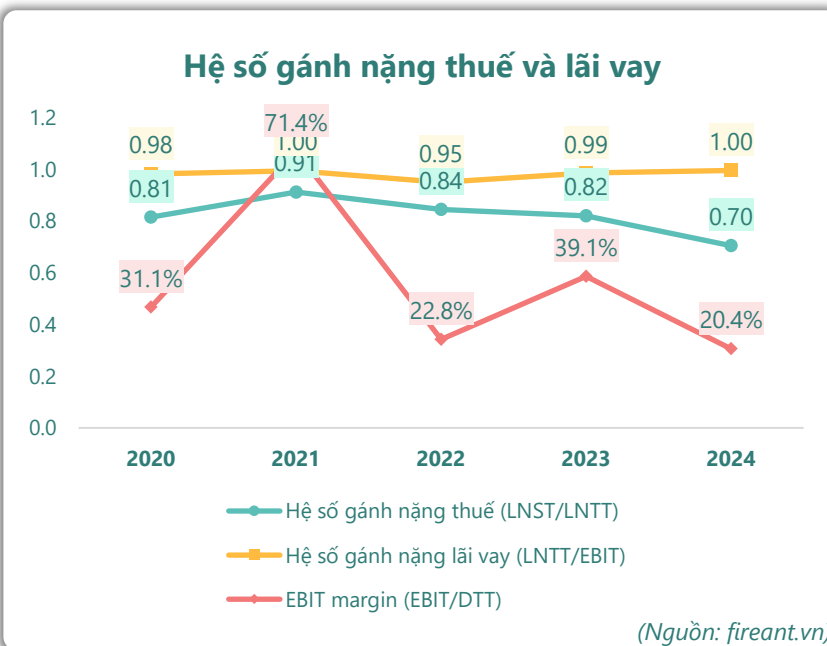
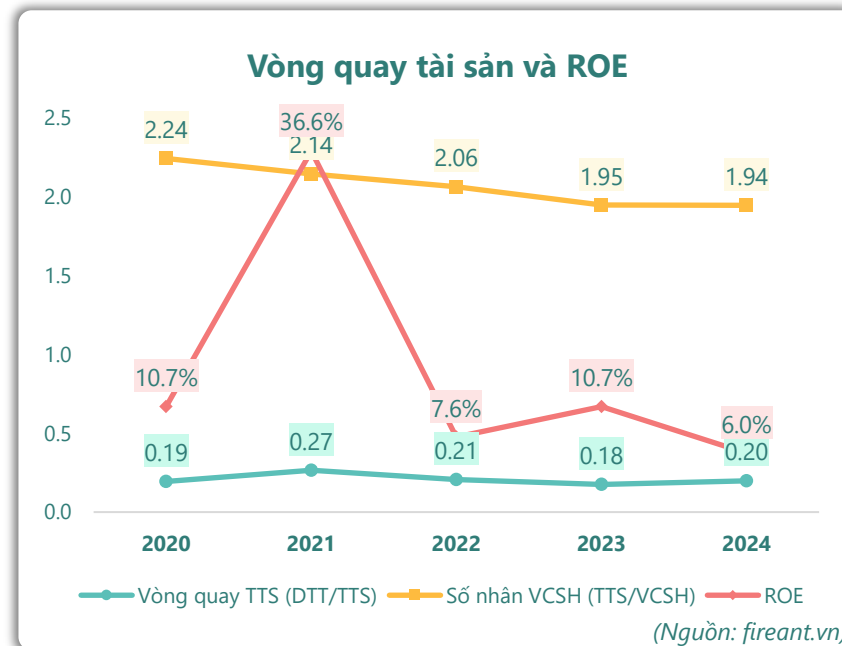
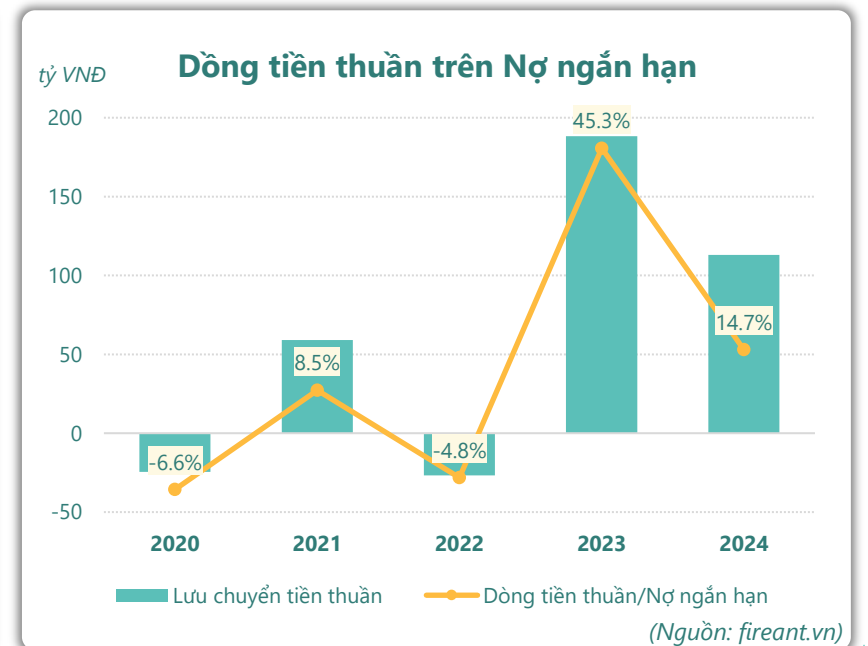
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	275	308	-10.7%	538	569	-5.4%
Giá vốn hàng bán	202	201	0.6%	374	370	1.1%
Lợi nhuận gộp	72.7	107	-32.0%	164	199	-17.3%
Doanh thu HĐTC	37.6	22.6	66.4%	56.4	34.2	65.0%
Chi phí TC	7.72	0.86	797%	16.8	2.04	720%
Chi phí lãi vay	16.5	0.23	7064%	16.7	0.47	3468%
LN trong công ty LKLD	63.0	24.4	158%	123	34.8	254%
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	47.4	47.7	-0.6%	87.3	97.3	-10.3%
LN thuần từ HĐKD	118	106	11.5%	239	168	42.4%
Lợi nhuận khác	1.52	-16.0	109%	2.00	-15.6	113%
LN trước thuế	120	89.5	33.8%	241	153	58.3%
Lợi nhuận sau thuế	107	71.5	49.2%	216	121	78.6%
LNST của CĐ cty mẹ	107	72.6	47.5%	218	123	77.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-63.5	119	-3.87	-7.16	-48.5	8.66
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	5.96	-38.9	56.4	109	-38.0	117
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-1.66	-14.0	-0.74	-41.2	-0.07	-14.5
Tiền đầu kỳ	391	332	398	450	504	417
Lưu chuyển tiền thuần	-59.2	66.4	51.8	60.1	-86.6	111
Ảnh hưởng tỷ giá	0.11	0.03	0.11	0.01	0.04	0.12
Tiền cuối kỳ	332	398	450	510	417	528

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	5,885	5,757	2.2%
Tài sản ngắn hạn	1,739	1,634	6.4%
Tiền và tương đương tiền	528	504	4.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	373	356	4.6%
Phải thu ngắn hạn	648	586	10.5%
Hàng tồn kho	18.3	16.2	12.9%
Tài sản ngắn hạn khác	172	171	0.6%
Tài sản dài hạn	4,146	4,123	0.5%
Phải thu dài hạn	734	816	-10.1%
Tài sản cố định	1,667	1,711	-2.6%
Bất động sản đầu tư	168	171	-1.6%
Tài sản dở dang	85.2	103	-17.3%
Đầu tư tài chính dài hạn	1,466	1,308	12.1%
Tài sản dài hạn khác	25.2	14.3	76.1%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	2,812	2,881	-2.4%
Nợ ngắn hạn	729	767	-5.0%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	29.1	28.3	2.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	83.0	64.7	28.2%
Nợ dài hạn	2,084	2,113	-1.4%
Vay và nợ thuê dài hạn	29.1	42.5	-31.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	3,073	2,877	6.8%
Vốn chủ sở hữu	3,073	2,877	6.8%
Vốn điều lệ	2,163	2,163	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

